

Phụ lục III
KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN HỌC: TIẾNG ANH- LỚP 10
Năm học 2026 - 2027

I. Kế hoạch dạy học
1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Tiết PPCT	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
1	INTRODUCTION, REVIEW	1	Tuần 1	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	
2	UNIT 1: FAMILY LIFE					
	Getting started	2	Tuần 1	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1a: Đáp ứng được nhu cầu thông tin (tìm kiếm từ vựng, tranh ảnh chủ đề gia đình).
	Language	3	Tuần 1	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Áp dụng được các công cụ và công nghệ số khác nhau để tạo ra kiến thức (sử dụng từ điển online/app phát âm).
	Reading	4	Tuần 2	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1b: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin liên quan bài đọc.
	Speaking	5	Tuần 2	Máy tính, Loa	Phòng học	2.1NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác (thảo luận nhóm, ghi âm bài nói).
	Listening	6	Tuần 2	Máy tính, Loa	Phòng học	1.2NC1a: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy và độ tin cậy của các nguồn (khi nghe thông tin).

	Writing	7	Tuần 3	Máy tính, Tivi	Phòng học	3.1NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau (soạn thảo văn bản số).
	Communication and Culture/CLIL	8	Tuần 3	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.5NC1a: Áp dụng được các chuẩn mực hành vi và bí quyết khác nhau khi giao tiếp văn hóa.
	Looking back & Project	9	Tuần 3	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.4NC1a: Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác (làm việc nhóm online). 3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân thông qua việc tạo ra nội dung số (PowerPoint/Video).
3	UNIT 2: HUMANS AND THE ENVIRONMENT					
	Getting started	10	Tuần 4	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1a: Xác định được nhu cầu thông tin về môi trường.
	Language	11	Tuần 4	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Sử dụng các công cụ số để tra cứu ngữ pháp/phát âm.
	Reading	12	Tuần 4	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số về môi trường.
	Speaking	13	Tuần 5	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.2NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ (trình bày ý tưởng sống xanh).
	Listening	14	Tuần 5	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1d: Tự đề xuất được chiến lược tìm kiếm thông tin bổ sung cho bài nghe.
	Writing	15	Tuần 5	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.3NC1a: Áp dụng được các quy định khác nhau về bản quyền (khi trích dẫn thông tin môi trường).
	Communication and Culture/CLIL	16	Tuần 6	Máy tính,	Phòng học	2.5NC1b: Áp dụng được các chiến lược giao tiếp

				Tivi, Loa		khác nhau trong môi trường số.
	Looking back & Project	17	Tuần 6	Máy tính, Tivi, Loa		3.2NC1a: Làm việc với các mục nội dung và thông tin mới khác nhau, sửa đổi và tích hợp (tạo sản phẩm dự án). 2.4NC1a: Sử dụng công cụ số để hợp tác nhóm.
4	REVIEW 1					
	Language	18	Tuần 6	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.4NC1a: Chứng minh được NLS của tôi cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu (tự đánh giá qua ôn tập).
	Skills (1)	19	Tuần 7	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.3NC1a: Thao tác được thông tin, dữ liệu để tổ chức, lưu trữ (tổng hợp kiến thức).
	Skills (2)	20	Tuần 7	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1b: Chỉ ra được những cách thể hiện bản thân qua kỹ năng viết/nói.
5	MID-TERM TEST	21	Tuần 7	Đề kiểm tra	Phòng học	4.2NC1a: Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân (trong quá trình làm bài thi/nộp bài nếu có online).
6	UNIT 3: MUSIC					
	Getting started	22	Tuần 8	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1c: Chỉ cho người khác cách truy cập những dữ liệu âm nhạc số.
	Language	23	Tuần 8	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Sử dụng app/web học tập để luyện tập ngôn ngữ.
	Reading	24	Tuần 8	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1b: Áp dụng kỹ thuật tìm kiếm thông tin về nghệ sĩ/chương trình âm nhạc.
7	MID-TERM TEST CORRECTION	25	Tuần 9	Bài kiểm tra, Đáp án	Phòng học	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
	Speaking	26	Tuần 9	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất cho thảo luận.
	Listening	27	Tuần 9	Máy tính,	Phòng học	1.2NC1a: Đánh giá thông tin từ bài nghe trên môi trường số.

				Tivi, Loa		
	Writing	28	Tuần 10	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa nội dung bài viết tiểu sử trên máy tính.
	Communication and Culture/CLIL	29	Tuần 10	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.6NC1a: Sử dụng được nhiều danh tính số khác nhau (ví dụ: profile trên mạng xã hội âm nhạc).
	Looking back & Project	30	Tuần 10	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.3NC1a: Áp dụng quy định về bản quyền âm nhạc/hình ảnh trong dự án. 5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức của cá nhân và tập thể để giải quyết các vấn đề sáng tạo.
8	UNIT 4: FOR A BETTER COMMUNITY					
	Getting started	31	Tuần 11	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1a: Tìm kiếm được dữ liệu về các hoạt động cộng đồng.
	Language	32	Tuần 11	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Sử dụng công cụ số để học từ vựng/ngữ pháp.
	Reading	33	Tuần 11	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của các nguồn tin về tình nguyện.
	Speaking	34	Tuần 12	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.3NC1a: Đề xuất được các dịch vụ số khác nhau để tham gia vào xã hội (các nền tảng từ thiện online).
	Listening	35	Tuần 12	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.3NC1a: Tổ chức, lưu trữ thông tin nghe được.
	Writing	36	Tuần 12	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Tạo văn bản đơn xin tình nguyện trên máy tính.
	Communication and Culture/CLIL	37	Tuần 13	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.3NC1b: Sử dụng được các công nghệ số thích hợp để tự mình trang bị và tham gia xã hội.
	Looking back & Project	38	Tuần 13	Máy tính,	Phòng học	2.4NC1a: Hợp tác thông qua công cụ số để lên kế hoạch dự án cộng đồng.

				Tivi, Loa		3.2NC1a: Tích hợp thông tin và nội dung mới vào bài trình chiếu.
9	UNIT 5: INVENTIONS					
	Getting started	39	Tuần 13	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	6.1NC1a: Phân tích được cách AI/công nghệ hoạt động trong các ứng dụng cụ thể (chủ đề phát minh).
	Language	40	Tuần 14	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ hỗ trợ học tập.
	Reading	41	Tuần 14	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1b: Tìm kiếm thông tin về các phát minh mới.
	Speaking	42	Tuần 14	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	6.1NC1b: So sánh được các hệ thống AI/công nghệ khác nhau (trong thảo luận).
	Listening	43	Tuần 15	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1b: Tiến hành đánh giá thông tin nghe được về công nghệ.
	Writing	44	Tuần 15	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Soạn thảo bài viết về lợi ích phát minh.
	Communication and Culture/CLIL	45	Tuần 15	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	6.2NC1a: Phát triển được các ứng dụng AI tùy chỉnh/hiệu về ứng dụng AI trong thực tế.
	Looking back & Project	46	Tuần 16	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1b: Áp dụng xử lý nhận thức cá nhân để giải quyết các vấn đề (thiết kế phát minh). 3.1NC1b: Thể hiện ý tưởng qua công cụ số.
10	REVIEW 2					
	Language	47	Tuần 16	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.4NC1b: Minh họa được những cách khác nhau để hỗ trợ người khác phát triển NLS.
	Skills (1)	48	Tuần 16	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.3NC1b: Triển khai được việc tổ chức và sắp xếp dữ liệu ôn tập.
	Skills (2)	49	Tuần 17	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Tổng hợp kỹ năng tạo nội dung số.

11	REVISION	50	Tuần 17	Máy tính, Đề cương	Phòng học	5.4NC1a: Tự đánh giá năng lực và kiến thức cần cải thiện.
		51	Tuần 17	Máy tính, Đề cương	Phòng học	
		52	Tuần 18	Máy tính, Đề cương	Phòng học	
12	END-TERM TEST	53	Tuần 18	Đề kiểm tra	Phòng học	4.2NC1b: Áp dụng được các cách thức đặc thù để chia sẻ dữ liệu cá nhân (quy chế thi).
13	FEEDBACK AND CORRECTION	54	Tuần 18	Bài kiểm tra, Đáp án	Phòng học	5.4NC1c: Đề xuất các cơ hội khác nhau để phát triển bản thân (sau khi biết điểm).
HỌC KÌ 2						
14	UNIT 6: GENDER EQUALITY					
	Getting started	55	Tuần 19	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.5NC1c: Áp dụng được các khía cạnh đa dạng về văn hóa và thể hệ khác (về giới).
	Language	56	Tuần 19	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Sử dụng công cụ số tra cứu.
	Reading	57	Tuần 19	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1a: Đánh giá độ tin cậy của thông tin bình đẳng giới trên mạng.
	Speaking	58	Tuần 20	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.5NC1b: Áp dụng các chiến lược giao tiếp tôn trọng trong môi trường số.
	Listening	59	Tuần 20	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1a: Xác định nhu cầu thông tin từ bài nghe.
	Writing	60	Tuần 20	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Tạo nội dung văn bản nghị luận xã hội số.
	Communication and Culture/CLIL	61	Tuần 21	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.2NC1a: Chia sẻ thông tin về bình đẳng giới qua công nghệ phù hợp.

	Looking back & Project	62	Tuần 21	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.4NC1a: Hợp tác nhóm online làm poster/video tuyên truyền. 3.3NC1a: Áp dụng quy định bản quyền hình ảnh.
15	UNIT 7: VIET NAM AND INTERNATIONAL ORGANISATIONS					
	Getting started	63	Tuần 21	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm thông tin về các tổ chức quốc tế.
	Language	64	Tuần 22	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Ứng dụng công nghệ học thuật ngữ.
	Reading	65	Tuần 22	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1b: Đánh giá, so sánh thông tin từ các nguồn quốc tế.
	Speaking	66	Tuần 22	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.1NC1a: Tương tác thông qua công nghệ số (mô phỏng hợp quốc tế).
	Listening	67	Tuần 23	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1a: Tìm kiếm dữ liệu liên quan bài nghe.
	Writing	68	Tuần 23	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Tạo và chỉnh sửa đơn tham gia tổ chức quốc tế (dạng số).
	Communication and Culture/CLIL	69	Tuần 23	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.6NC1c: Sử dụng dữ liệu tạo ra thông qua công cụ, môi trường và tương tác (hồ sơ công dân toàn cầu).
	Looking back & Project	70	Tuần 24	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.4NC1a: Đề xuất công cụ hợp tác cho dự án. 5.3NC1b: Tạo ra sản phẩm số (video/slide) giới thiệu Việt Nam.
16	REVIEW 3					
	Language	71	Tuần 24	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.4NC1a: Xác định NLS cần cải thiện.
	Skills (1)	72	Tuần 24	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.3NC1b: Sắp xếp dữ liệu ôn tập hiệu quả.

	Skills (2)	73	Tuần 25	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua bài viết/nói tổng hợp.
17	MID-TERM TEST	74	Tuần 25	Đề kiểm tra	Phòng học	4.2NC1a: Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong kiểm tra đánh giá.
15	UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN					
	Getting started	75	Tuần 25	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.2NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân về học tập số.
	Language	76	Tuần 26	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	4.1NC1a: Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ thiết bị và nội dung (khi dùng thiết bị học tập).
	Reading	77	Tuần 26	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1d: Tự đề xuất chiến lược tìm kiếm tài liệu học tập online.
19	MID-TERM TEST CORRECTION	78	Tuần 26	Bài kiểm tra, Đáp án	Phòng học	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân từ kết quả thi.
	Speaking	79	Tuần 27	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.1NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất trong lớp học ảo.
	Listening	80	Tuần 27	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.2NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ (được nhắc đến trong bài).
	Writing	81	Tuần 27	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Tạo nội dung số về lợi ích của học tập trực tuyến.
	Communication and Culture/CLIL	82	Tuần 28	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.2NC1c: Sử dụng được các cách khác nhau để điều chỉnh môi trường số cá nhân.
	Looking back & Project	83	Tuần 28	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức, đổi mới quy trình (sản phẩm học tập số).
20	UNIT 9: PROTECTING THE ENVIRONMENT					
	Getting started	84	Tuần 28	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	4.4NC1a: Trình bày được các cách thức khác nhau để bảo vệ môi trường (kết hợp công nghệ).

	Language	85	Tuần 29	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Sử dụng công cụ số hỗ trợ ngôn ngữ.
	Reading	86	Tuần 29	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1b: Đánh giá tính xác thực của thông tin biến đổi khí hậu.
	Speaking	87	Tuần 29	Máy tính, Loa	Phòng học	2.2NC1a: Chia sẻ thông tin môi trường qua công nghệ số phù hợp.
	Listening	88	Tuần 30	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1a: Tìm kiếm và lọc dữ liệu từ bài nghe.
	Writing	89	Tuần 30	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1a: Soạn thảo văn bản số về giải pháp môi trường.
	Communication and Culture/CLIL	90	Tuần 30	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.3NC1a: Tham gia vào xã hội thông qua các dịch vụ số (chiến dịch môi trường online).
	Looking back & Project	91	Tuần 31	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.2NC1a: Tích hợp thông tin, tạo sản phẩm truyền thông môi trường. 2.4NC1a: Hợp tác số.
21	UNIT 10: ECOTOURISM					
	Getting started	92	Tuần 31	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1b: Kỹ thuật tìm kiếm tour du lịch sinh thái.
	Language	93	Tuần 31	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.3NC1a: Ứng dụng app học tập.
	Reading	94	Tuần 32	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.2NC1a: Đánh giá các review du lịch trên mạng.
	Speaking	95	Tuần 32	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	2.5NC1a: Nhận thức chuẩn mực hành vi khi du lịch (chia sẻ online).
	Listening	96	Tuần 32	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.1NC1c: Truy cập dữ liệu về địa điểm du lịch.
	Writing	97	Tuần 33	Máy tính,	Phòng học	3.1NC1a: Viết quảng cáo tour/blog du lịch (dạng số).

				Tivi, Loa		
	Communication and Culture/CLIL	98	Tuần 33	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	4.4NC1a: Nhận thức tác động của công nghệ số và sử dụng công nghệ số đối với môi trường (du lịch thông minh).
	Looking back & Project	99	Tuần 33	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.3NC1a: Bản quyền hình ảnh du lịch. 5.3NC1b: Sáng tạo sản phẩm quảng bá du lịch.
22	REVIEW 4					
	Language	100	Tuần 34	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.4NC1a: Đánh giá sự tiến bộ NLS cuối kỳ.
	Skills (1)	101	Tuần 34	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	1.3NC1b: Tổ chức dữ liệu tổng hợp.
	Skills (2)	102	Tuần 34	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	3.1NC1b: Thể hiện bản thân qua sản phẩm cuối khóa.
23	REVISION	103	Tuần 35	Máy tính, Tivi, Loa	Phòng học	5.4NC1b: Minh họa cách hỗ trợ bạn bè ôn tập qua công cụ số.
24	END-TERM TEST	104	Tuần 35	Đề kiểm tra	Phòng học	4.2NC1b: Bảo vệ dữ liệu cá nhân.
25	FEEDBACK AND CORRECTION	105	Tuần 35	Bài kiểm tra, Đáp án	Phòng học	5.4NC1c: Đề xuất cơ hội phát triển bản thân cho năm học tới.

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề	Số tiết	Thời điểm	Thiết bị dạy học	Địa điểm dạy học	Mã Năng lực số và Yêu cầu cần đạt
1	Chuyên đề 1: ...					
2	Chuyên đề 2: ...					
3	Chuyên đề 3: ...					

- (1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.
- (2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.
- (3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.
- (4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)
Không

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN VĂN TIẾN

NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG